

Số: 54/2021/TT-BCA

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2021

THÔNG TƯ

**Quy định về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế
trong Công an nhân dân**

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ký kết, bảo lưu, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế; nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế và các hoạt động khác có liên quan đến công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an các đơn vị, địa phương); cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công tác điều ước quốc tế trong Công an nhân dân* là hoạt động có liên quan đến việc ký kết, bảo lưu, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

2. Công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân là hoạt động có liên quan đến việc ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an.

Điều 4. Nguyên tắc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân

1. Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

2. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

3. Tạo cơ sở pháp lý hợp tác quốc tế bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thẩm quyền đề xuất ký kết và thực hiện điều ước quốc tế theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016; đề xuất ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các quy định của Thông tư này.

5. Việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế phải căn cứ khả năng và nguồn lực của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

Điều 5. Quản lý công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân

1. Nội dung quản lý về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân bao gồm:

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;

b) Xây dựng kế hoạch dài hạn và hằng năm về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Bộ Công an;

c) Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Bộ Công an;

d) Đề xuất, ký kết, sửa đổi, bổ sung, từ bỏ, rút khỏi, bảo lưu, rút bảo lưu, tạm đình chỉ, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;

đ) Kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề xuất ký kết điều ước quốc tế do Công an các đơn vị, địa phương đề xuất; kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế do Công an các đơn vị, địa phương đề xuất;

e) Tham gia ý kiến vào dự thảo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế do các Bộ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức đề xuất;

g) Đánh giá tác động về an ninh, trật tự trong quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định;

h) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân;

i) Tổ chức thống kê, rà soát, hệ thống hóa, lưu trữ, sao lục, dịch, xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu và đăng tải điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân lên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;

k) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và pháp luật về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;

l) Sơ kết, tổng kết tình hình ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an;

m) Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

2. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

Chương II

ĐỀ XUẤT KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VÀ THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Mục 1

ĐỀ XUẤT KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 6. Căn cứ đề xuất và lập kế hoạch ký kết điều ước quốc tế

1. Công an các đơn vị, địa phương khi đề xuất Bộ trưởng về việc ký kết điều ước quốc tế phải căn cứ vào kế hoạch ký kết điều ước quốc tế của Bộ Công an; chỉ đạo của người, cơ quan có thẩm quyền hoặc yêu cầu hợp tác quốc tế về bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Định kỳ hằng năm và năm năm một lần, căn cứ yêu cầu hợp tác quốc tế và theo quy định của pháp luật, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch ký kết điều ước quốc tế của Bộ Công an, báo cáo Bộ trưởng duyệt, ký ban hành.

Điều 7. Nghiên cứu khả năng ký kết điều ước quốc tế

1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này, trước khi đề xuất Bộ trưởng về việc ký kết điều ước quốc tế, Công an các đơn vị, địa phương nghiên cứu:

a) Thực tiễn và nhu cầu hợp tác quốc tế của Việt Nam;

b) Quy định pháp luật Việt Nam, quy định của điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà Việt Nam là thành viên; quy định pháp luật của quốc gia và pháp luật quốc tế có liên quan;

c) Dự thảo điều ước quốc tế do phía nước ngoài đề nghị (nếu có);

d) Dự báo tác động đối với chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh - trật tự, kinh tế - xã hội và các tác động khác đối với Việt Nam;

đ) Khả năng và nguồn lực của Việt Nam khi ký kết và thực hiện điều ước quốc tế.

2. Trường hợp ký kết điều ước quốc tế có nội dung phức tạp về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh - trật tự, kinh tế - xã hội, đơn vị đề xuất phải báo cáo Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền về việc xây dựng đề án hoặc báo cáo nghiên cứu khả năng ký kết điều ước quốc tế. Căn cứ kết quả nghiên cứu của đề án hoặc báo cáo, đơn vị đề xuất báo cáo Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xin ý kiến chỉ đạo về việc ký kết điều ước quốc tế trước khi tiến hành các thủ tục ký kết điều ước quốc tế theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

Điều 8. Trình tự, thủ tục đề xuất đàm phán điều ước quốc tế

1. Căn cứ kết quả nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này, đơn vị đề xuất thực hiện các quy định tại các điều 8, 9, 10, 11, 12 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

2. Đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ trình về việc đàm phán điều ước quốc tế gửi xin ý kiến Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, Công an các đơn vị, địa phương có liên quan.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia ý kiến;
- Dự thảo Tờ trình gồm các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016;
- Dự thảo điều ước quốc tế của Việt Nam (tiếng Việt và tiếng nước ngoài);
- Dự thảo điều ước quốc tế của phía nước ngoài (bản dịch tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo phương án đàm phán, nếu việc ký kết điều ước quốc tế được thực hiện trên cơ sở dự thảo của phía nước ngoài;
- Các tài liệu khác có liên quan.

3. Căn cứ ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ và xin ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng.

4. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng, ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ và gửi 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để kiểm tra. Thời hạn kiểm tra là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra;

- Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này;

- Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng, ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, Công an các đơn vị, địa phương và bản sao các văn bản chỉ đạo, văn bản tham gia ý kiến.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến kiểm tra của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, báo cáo Bộ trưởng đề xuất với Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.

6. Sau khi Chủ tịch nước hoặc Thủ tướng Chính phủ đồng ý đề xuất đàm phán và ủy quyền đàm phán, đơn vị đề xuất trao đổi với đối tác nước ngoài để thống nhất thời gian, địa điểm đàm phán và cách thức đàm phán; tiến hành thủ tục ủy quyền đàm phán điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 22 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016. Căn cứ văn bản ủy quyền của Chủ tịch nước hoặc Thủ tướng Chính phủ, đơn vị đề xuất báo cáo Bộ trưởng quyết định thành lập đoàn đàm phán.

7. Căn cứ Quyết định thành lập đoàn đàm phán và ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Đối ngoại và Công an các đơn vị, địa phương có liên quan tiến hành tổ chức đàm phán dự thảo điều ước quốc tế và báo cáo Bộ trưởng về nội dung và kết quả đàm phán. Trình tự, thủ tục tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài và đón, tiếp khách quốc tế; lễ tân đối ngoại phục vụ việc đàm phán được thực hiện theo quy định của Thông tư số 76/2020/TT-BCA ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các hoạt động đối ngoại Công an nhân dân.

Điều 9. Trình tự, thủ tục đề xuất ký điều ước quốc tế

1. Sau khi kết thúc đàm phán và các bên ký kết thống nhất toàn bộ nội dung điều ước quốc tế, đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế gửi xin ý kiến của cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương có liên quan.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia ý kiến;
- Dự thảo Tờ trình đề xuất ký điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 16 Luật Điều ước quốc tế năm 2016;
- Dự thảo kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế;
- Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế;
- Dự thảo Báo cáo đánh giá sự tương thích của điều ước quốc tế đề xuất ký với điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Dự thảo Báo cáo đánh giá sự phù hợp giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam;

- Văn bản điều ước quốc tế (tiếng Việt và tiếng nước ngoài; đã được các Trưởng đoàn đàm phán ký tắt).

2. Sau khi tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ theo quy định tại các điều 19, 21 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, gửi xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

3. Căn cứ ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, đơn vị đề xuất chỉnh lý và gửi 02 (hai) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 17 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 về Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để kiểm tra. Thời hạn kiểm tra là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến kiểm tra của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng đề xuất để Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước hoặc để Chính phủ quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.

5. Sau khi Chủ tịch nước hoặc Chính phủ quyết định ký và ủy quyền ký điều ước quốc tế, đơn vị đề xuất tiến hành thủ tục đề nghị cấp giấy ủy quyền ký điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 63 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016. Để chuẩn bị ký điều ước quốc tế, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Đối ngoại, các đơn vị của Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan tiến hành các công việc theo quy định tại Mục 4 Chương II của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

Điều 10. Trình tự, thủ tục đề xuất phê chuẩn, phê duyệt điều ước quốc tế

1. Căn cứ quy định tại Điều 28 hoặc Điều 37 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ trình về việc phê chuẩn hoặc phê duyệt điều ước quốc tế và gửi xin ý kiến Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương có liên quan.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia ý kiến;
- Dự thảo Tờ trình theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016;
- Dự kiến kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế;
- Văn bản điều ước quốc tế (tiếng Việt và tiếng nước ngoài).

2. Sau khi tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ theo quy định tại Điều 31 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và gửi 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư

pháp để kiểm tra. Thời hạn kiểm tra là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến kiểm tra của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn điều ước quốc tế hoặc để Chủ tịch nước trình Quốc hội phê chuẩn đối với điều ước quốc tế phải phê chuẩn; hoặc báo cáo Bộ trưởng trình Chính phủ phê duyệt đối với điều ước quốc tế phải phê duyệt.

Điều 11. Trình tự, thủ tục đề xuất gia nhập điều ước quốc tế

1. Căn cứ quy định tại Điều 7 của Thông tư này, đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ về việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên và gửi xin ý kiến của cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương có liên quan.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia ý kiến;

- Dự thảo Tờ trình gồm các nội dung tương tự quy định tại Điều 16 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và nội dung đánh giá tác động chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế; sự tương thích của điều ước quốc tế đề xuất gia nhập với điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; sự phù hợp giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam;

- Dự kiến kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế;

- Văn bản điều ước quốc tế (tiếng Việt và tiếng nước ngoài);

- Danh sách các thành viên của điều ước quốc tế, văn bản sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế, báo lưu, chấp nhận hoặc phản đối báo lưu, tuyên bố của các bên ký kết nước ngoài đối với điều ước quốc tế, thủ tục pháp lý cần thiết và các thông tin khác liên quan đến việc gia nhập điều ước quốc tế.

2. Sau khi tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ, gửi xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

3. Căn cứ ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ theo quy định tại Điều 45 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và xin ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng.

4. Sau khi nhận được ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng, đơn vị đề xuất chỉnh lý và gửi 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để kiểm tra. Thời hạn kiểm tra là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến kiểm tra của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch

nước quyết định gia nhập hoặc trình đề Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; hoặc báo cáo Bộ trưởng trình Chính phủ quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.

Điều 12. Nội dung kiểm tra hồ sơ đề xuất đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt và gia nhập điều ước quốc tế

Nội dung kiểm tra hồ sơ đề xuất đàm phán, ký, phê chuẩn, phê duyệt và gia nhập điều ước quốc tế bao gồm:

1. Việc tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và Thông tư này.
2. Kiểm tra, đối chiếu với yêu cầu hợp tác quốc tế trong bảo vệ an ninh, trật tự thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an theo quy định của pháp luật.
3. Các tài liệu cần có trong hồ sơ.
4. Nội dung và hình thức của các tài liệu trong hồ sơ.

Mục 2

ĐỀ XUẤT KÝ KẾT THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 13. Căn cứ đề xuất và lập kế hoạch ký kết thỏa thuận quốc tế

1. Công an các đơn vị, địa phương khi đề xuất Bộ trưởng về việc ký kết thỏa thuận quốc tế phải căn cứ vào kế hoạch ký kết thỏa thuận quốc tế của Bộ Công an; chỉ đạo của người, cơ quan có thẩm quyền hoặc yêu cầu hợp tác quốc tế về bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Định kỳ hằng năm và năm năm một lần, căn cứ yêu cầu hợp tác quốc tế và theo quy định của pháp luật, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch ký kết thỏa thuận quốc tế của Bộ Công an, báo cáo Bộ trưởng duyệt, ký ban hành.

Điều 14. Trình tự, thủ tục đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Chính phủ

1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư này, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Cục Đối ngoại, Công an các đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế để trao đổi với bên ký kết nước ngoài về dự thảo thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Chính phủ.

2. Sau khi các bên thống nhất nội dung dự thảo thỏa thuận quốc tế, đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Chính phủ theo quy định tại Điều 27 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020; gửi xin ý kiến của Bộ Ngoại giao, cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế. Căn cứ ý kiến tham gia, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ theo quy định tại Điều 28 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và gửi xin ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng.

3. Sau khi nhận được ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng, đơn vị đề xuất tiếp tục chỉnh lý và gửi 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Đối ngoại để kiểm tra, 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để thẩm định. Thời hạn kiểm tra, thẩm định là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra, thẩm định;
- Tài liệu theo quy định tại Điều 28 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;
- Ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng;
- Các tài liệu khác (nếu có).

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến kiểm tra của Cục Đối ngoại, ý kiến thẩm định của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với thỏa thuận quốc tế nhân danh Chính phủ; kiến nghị Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định đối với thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước theo quy định tại Chương II của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

5. Thực hiện quyết định bằng văn bản của Chủ tịch nước hoặc Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận quốc tế, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Đối ngoại và các đơn vị có liên quan của Bộ Ngoại giao tổ chức việc ký kết thỏa thuận quốc tế và báo cáo theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

Điều 15. Trình tự, thủ tục đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Bộ Công an

1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư này, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Cục Đối ngoại, Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế để trao đổi với bên ký kết nước ngoài về dự thảo thỏa thuận quốc tế nhân danh Bộ Công an.

2. Sau khi các bên thống nhất nội dung dự thảo thỏa thuận quốc tế, đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Bộ Công an theo quy định tại Điều 27 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020; gửi xin ý kiến của Bộ Ngoại giao, cơ quan, tổ chức và Công an các đơn vị, địa phương có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không đồng ý việc ký kết thỏa thuận quốc tế thì đơn vị đề xuất tiến hành thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

3. Căn cứ ý kiến tham gia, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ theo quy định tại Điều 28 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và gửi xin ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng.

4. Sau khi nhận được ý kiến của các Thứ trưởng, đơn vị đề xuất tiếp tục chỉnh lý hồ sơ và gửi 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Đối ngoại để kiểm tra, 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để thẩm định. Thời hạn kiểm tra, thẩm định là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra, thẩm định;
- Tài liệu theo quy định tại Điều 28 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;
- Ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng;
- Các tài liệu khác (nếu có).

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến kiểm tra của Cục Đối ngoại, ý kiến thẩm định của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng quyết định ký kết thỏa thuận quốc tế.

6. Thực hiện quyết định bằng văn bản của Bộ trưởng về việc ký kết thỏa thuận quốc tế, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Đối ngoại tổ chức việc ký kết thỏa thuận quốc tế và thực hiện thủ tục báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 17 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

Điều 16. Trình tự, thủ tục đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Thông tư này, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Cục Đối ngoại, Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế để trao đổi với bên ký kết nước ngoài về dự thảo thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an.

2. Sau khi các bên thống nhất nội dung dự thảo thỏa thuận quốc tế, đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị đó; gửi xin ý kiến của Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia ý kiến;
- Dự thảo văn bản đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;
- Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế (tiếng Việt và tiếng nước ngoài).

3. Căn cứ ý kiến tham gia, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ để xin ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng.

4. Sau khi nhận được ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng, đơn vị đề xuất tiếp tục chỉnh lý hồ sơ và gửi 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Đối ngoại để kiểm tra, 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để thẩm định.

Thời hạn kiểm tra, thẩm định là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra, thẩm định;
- Tài liệu theo quy định tại Điều 28 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;
- Ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng;
- Các tài liệu khác (nếu có).

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến kiểm tra của Cục Đối ngoại, ý kiến thẩm định của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng quyết định việc ký kết thỏa thuận quốc tế.

6. Căn cứ quyết định của Bộ trưởng, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Đối ngoại tổ chức việc ký kết thỏa thuận quốc tế và báo cáo Bộ trưởng về kết quả ký kết thỏa thuận quốc tế.

Điều 17. Trình tự, thủ tục đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư này, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Cục Đối ngoại, Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế để trao đổi với bên ký kết nước ngoài về dự thảo thỏa thuận quốc tế nhân danh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Sau khi các bên thống nhất nội dung dự thảo thỏa thuận quốc tế, đơn vị đề xuất xây dựng hồ sơ ký kết thỏa thuận quốc tế và gửi xin ý kiến của Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan chuyên môn về đối ngoại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia ý kiến;
- Dự thảo văn bản đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;
- Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế (tiếng Việt và tiếng nước ngoài).

3. Căn cứ ý kiến của Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan chuyên môn về đối ngoại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị đề xuất chỉnh lý hồ sơ xin ý kiến chỉ đạo của các Thứ trưởng.

4. Đơn vị đề xuất nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia để tiếp tục chỉnh lý hồ sơ, gửi 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Đối ngoại để kiểm tra, 02 (hai) bộ hồ sơ về Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để thẩm định. Thời hạn thẩm định, kiểm tra là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm tra, thẩm định;
- Tài liệu theo quy định tại Điều 28 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020;
- Các tài liệu khác (nếu có).

5. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến kiểm tra của Cục Đối ngoại, ý kiến thẩm định của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Công an địa phương đề xuất hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng quyết định ký kết thỏa thuận quốc tế.

6. Căn cứ quyết định của Bộ trưởng, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Đối ngoại tổ chức việc ký kết thỏa thuận quốc tế và báo cáo Bộ trưởng về kết quả ký kết thỏa thuận quốc tế.

Điều 18. Nội dung thẩm định, kiểm tra hồ sơ ký kết thỏa thuận quốc tế

1. Nội dung thẩm định hồ sơ ký kết thỏa thuận quốc tế bao gồm:

- a) Sự cần thiết, mục đích ký kết thỏa thuận quốc tế;
- b) Căn cứ và cơ sở pháp lý;
- c) Việc tuân thủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và Thông tư này;
- d) Tính khả thi và hiệu quả của thỏa thuận quốc tế;
- đ) Đánh giá sự phù hợp của thỏa thuận quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- e) Đánh giá tác động của thỏa thuận quốc tế về mặt chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh - trật tự, kinh tế - xã hội và các tác động khác.

2. Nội dung kiểm tra hồ sơ ký kết thỏa thuận quốc tế bao gồm:

- a) Đối chiếu với chiến lược, kế hoạch về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh, trật tự của Đảng và Nhà nước, Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa phương;
- b) Tính thống nhất của văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt với văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng nước ngoài;
- c) Tên gọi, hình thức, danh nghĩa ký kết, cấp ký kết, ngôn ngữ, hiệu lực, kỹ thuật văn bản thỏa thuận quốc tế.

Chương III

ĐỀ XUẤT CHẤM DỨT HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN, TỪ BỎ, RÚT KHỎI, TẠM ĐÌNH CHỈ THỰC HIỆN TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, BẢO LƯU, CHẤP THUẬN HOẶC PHẢN ĐỐI BẢO LƯU, RÚT BẢO LƯU HOẶC RÚT PHẢN ĐỐI BẢO LƯU; ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN, CHẤM DỨT HIỆU LỰC, RÚT KHỎI, TẠM ĐÌNH CHỈ THỰC HIỆN THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 19. Đề xuất chấm dứt hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế

1. Trong quá trình thực hiện điều ước quốc tế, nếu cần sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, đơn vị đề xuất ký kết điều ước quốc tế phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp báo cáo Bộ trưởng trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo quy định tại các điều 54, 73, 74 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

2. Đơn vị đề xuất ký kết điều ước quốc tế phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp báo cáo Bộ trưởng đề trình cơ quan, người có thẩm quyền về việc đề xuất chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện toàn bộ hoặc một phần của điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 55 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

Điều 20. Đề xuất bảo lưu, chấp thuận hoặc phản đối bảo lưu, rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu điều ước quốc tế

1. Vào thời điểm ký, phê duyệt, phê chuẩn điều ước quốc tế, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp báo cáo Bộ trưởng trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc bảo lưu theo quy định tại Điều 47 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

2. Đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp báo cáo Bộ trưởng trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc chấp thuận hoặc phản đối bảo lưu, rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu điều ước quốc tế theo quy định tại các điều 48, 49, 50, 51 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

Điều 21. Đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, rút khỏi, chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế

1. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận quốc tế, nếu cần sửa đổi, bổ sung, gia hạn, rút khỏi, chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế, đơn vị đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp và Cục Đối ngoại báo cáo Bộ trưởng quyết định hoặc trình Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, rút khỏi, chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế. Đối với thỏa thuận quốc tế ký kết nhân danh đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Thủ trưởng đơn vị quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn, rút khỏi, chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

2. Đơn vị đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế báo cáo Bộ trưởng quyết định hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định về việc chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế khi thấy việc thực hiện thỏa thuận quốc tế đó không đảm bảo một trong các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

3. Trình tự, thủ tục đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, rút khỏi, chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Chính phủ và Bộ Công an được thực hiện theo quy định tại các điều 33, 34 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

4. Trình tự, thủ tục đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn, rút khỏi, chấm dứt hiệu lực hoặc tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tiến hành tương tự trình tự, thủ tục ký kết thỏa thuận quốc tế quy định tại Thông tư này.

5. Công an các đơn vị, địa phương phải thông báo cho Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp và Cục Đối ngoại về việc chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

Điều 22. Áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1. Trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng đối với việc ký kết điều ước quốc tế trong trường hợp đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Chỉ áp dụng đối với đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế;

b) Không thuộc các trường hợp theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 70 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

2. Trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng đối với việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Chính phủ, Bộ Công an phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 35 của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

3. Trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng đối với việc ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được Bộ trưởng cho phép ký trong chuyến thăm của đoàn cấp cao Việt Nam, đoàn công tác cấp cao của Bộ Công an tại nước ngoài hoặc đoàn cấp cao nước ngoài, đoàn công tác đối tác nước ngoài tại Việt Nam;

b) Cần phải xử lý gấp do yêu cầu chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh - trật tự, cứu trợ khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc lý do cấp thiết khác.

Điều 23. Đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn; ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Chính phủ và Bộ Công an theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư này, đơn vị đề xuất ký kết điều ước quốc tế báo cáo Bộ trưởng về việc tiến hành đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Chương VII của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

2. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư này, đơn vị đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Chính phủ, Bộ Công an báo cáo Bộ trưởng về việc tiến hành ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Chương IV của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020.

Điều 24. Ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 22 của Thông tư này, đơn vị đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi hồ sơ ký kết thỏa thuận quốc tế để xin ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng phụ trách, ý kiến của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Cục Đối ngoại và cơ quan, đơn vị có liên quan trực tiếp đến thỏa thuận quốc tế đó.

2. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng phụ trách, ý kiến của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Cục Đối ngoại và cơ quan, đơn vị có liên quan, đơn vị đề xuất hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Hồ sơ lấy ý kiến về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị tham gia ý kiến.
- b) Dự thảo văn bản báo cáo Bộ trưởng gồm các nội dung sau đây:
 - Yêu cầu, mục đích của việc ký kết thỏa thuận quốc tế;
 - Nội dung chính của thỏa thuận quốc tế;
 - Đánh giá tác động của thỏa thuận quốc tế về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác;
 - Việc tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Thông tư này;
 - Lý do đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn.
- c) Tài liệu chứng minh được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Thông tư này.
- d) Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

4. Hồ sơ báo cáo Bộ trưởng về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm:

- a) Văn bản báo cáo Bộ trưởng gồm các nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;
- b) Tài liệu chứng minh được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Thông tư này;

c) Dự thảo văn bản thỏa thuận quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Trường hợp thỏa thuận quốc tế chỉ có văn bản bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo;

d) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng phụ trách, ý kiến của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Cục Đối ngoại và các cơ quan, đơn vị có liên quan;

đ) Ý kiến bằng văn bản của Thứ trưởng phụ trách, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Cục Đối ngoại và cơ quan, đơn vị có liên quan.

5. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn thỏa thuận quốc tế nhân danh đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện tương tự như việc ký kết thỏa thuận quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Điều 25. Từ chối áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn

Trong trường hợp người hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định đàm phán, ký, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế từ chối áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn và gửi trả lại hồ sơ, đơn vị đề xuất phải thực hiện quy trình, thủ tục thông thường hoặc bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của người hoặc cơ quan có thẩm quyền đó.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN QUỐC TẾ TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 26. Kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1. Đơn vị đề xuất ký kết điều ước quốc tế có trách nhiệm chủ trì đề xuất kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế báo cáo Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 76 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016. Trên cơ sở kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đơn vị đề xuất chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế đó trong Công an nhân dân, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Công an các đơn vị, địa phương đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế có trách nhiệm chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế đó.

3. Công an các đơn vị, địa phương, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, đề xuất kế hoạch tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan đến công tác Công an do các Bộ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức đề xuất ký kết.

Điều 27. Trách nhiệm của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp trong việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện điều ước quốc tế trong Công an nhân dân.

2. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện điều ước quốc tế trong Công an nhân dân.

3. Báo cáo Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế.

4. Thực hiện biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương trong trường hợp bên ký kết nước ngoài vi phạm điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

5. Lưu trữ (bản cứng và bản ghi điện tử) điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định pháp luật về lưu trữ.

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

7. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện điều ước quốc tế trong Công an nhân dân.

8. Hợp tác quốc tế trong thực hiện điều ước quốc tế.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 28. Trách nhiệm của Cục Đối ngoại trong việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

Cục Đối ngoại chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

2. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

3. Tổ chức biên dịch điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và các tài liệu có liên quan đến việc tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

5. Hợp tác quốc tế trong thực hiện thỏa thuận quốc tế.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 29. Trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương trong việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1. Công an các đơn vị, địa phương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có hiệu lực do được giao chủ trì đề xuất ký kết.

3. Phối hợp đề xuất, báo cáo Bộ trưởng ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế.

4. Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an.

5. Phối hợp tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

6. Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo Bộ trưởng kết quả thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

Điều 30. Tổ chức thống kê, rà soát, hệ thống hóa, lưu trữ, sao lục, dịch, xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu, đăng tải điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1. Định kỳ hằng năm, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương tiến hành thống kê, rà soát, hệ thống hóa, lưu trữ (bản cứng và bản ghi điện tử), sao lục, xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu và đăng tải điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đã có hiệu lực (trừ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật hoặc thống nhất với bên ký kết nước ngoài về việc không công khai hoặc có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 60 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016) lên Cổng thông tin điện tử Bộ Công an.

2. Công an các đơn vị, địa phương đề xuất ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế chủ trì, phối hợp với Cục Đối ngoại tiến hành dịch điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế, các tài liệu phục vụ việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại.

Điều 31. Kinh phí bảo đảm công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế

1. Kinh phí ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân được bảo đảm từ ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động thường xuyên hằng năm của Công an các đơn vị, địa phương và các nguồn tài trợ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế, công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân theo quy định.

Chương VI

THAM GIA KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN QUỐC TẾ DO CÁC BỘ, BAN, NGÀNH, CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ XUẤT; ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ AN NINH, TRẬT TỰ TRONG QUÁ TRÌNH KÝ KẾT, THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỎA THUẬN QUỐC TẾ

Điều 32. Tham gia ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế do các Bộ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức đề xuất

1. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương tham gia ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế do các Bộ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức đề xuất và báo cáo Bộ trưởng về kết quả tham gia.

2. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp tham gia ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế do các Bộ, ban, ngành, cơ quan, tổ chức đề xuất.

Điều 33. Đánh giá tác động về an ninh, trật tự trong quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương đánh giá tác động về an ninh, trật tự trong quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định tại Nghị định số 35/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về biện pháp pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Việc đánh giá tác động về an ninh, trật tự trong quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế bao gồm các nội dung sau:

a) Sự phù hợp với chiến lược, chính sách, kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh, trật tự của Đảng, Nhà nước và quy định của Bộ Công an;

b) Ảnh hưởng của việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thuận lợi và khó khăn trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự khi ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; các nguy cơ đe dọa an ninh, trật tự khi ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế;

c) Các vấn đề khác có liên quan đến an ninh, trật tự.

3. Công an các đơn vị, địa phương phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để thực hiện nhiệm vụ đánh giá tác động về an ninh, trật tự trong quá trình ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.

2. Thông tư số 63/2012/TT-BCA ngày 29 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về việc đề xuất ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế; đề xuất ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân (Thông tư số 63/2012/TT-BCA) hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, phản ánh về Bộ Công an (qua Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) để có hướng dẫn kịp thời.

Điều 36. Quy định chuyển tiếp

1. Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân chưa được ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng đã được tiến hành theo trình tự, thủ tục ký kết quy định tại Thông tư số 63/2012/TT-BCA thì được tổ chức việc ký kết theo quy định tại Thông tư số 63/2012/TT-BCA mà không phải tiến hành lại theo trình tự, thủ tục ký kết quy định tại Thông tư này.

2. Đối với thỏa thuận quốc tế đã được ký kết theo quy định của Thông tư số 63/2012/TT-BCA, Công an các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện và tiến hành sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này.

3. Đối với các văn kiện hợp tác quốc tế đã được ký kết dưới danh nghĩa Công an các đơn vị, địa phương không được coi là thỏa thuận quốc tế theo quy định của Pháp lệnh Ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế số 33/2007/PL-UBTVQH11 và Thông tư số 63/2012/TT-BCA thì trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, đơn vị thực hiện hoạt động hợp tác nêu trong văn kiện phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp và Cục Đối ngoại trao đổi, thống nhất với phía đối tác nước ngoài về việc ký kết thỏa thuận quốc tế để thay thế văn kiện đó.

4. Đối với các điều ước quốc tế đã được ký kết dưới danh nghĩa cấp Bộ theo quy định của Pháp lệnh Ký kết và thực hiện điều ước quốc tế năm 1989 và

Pháp lệnh Ký kết và thực hiện điều ước quốc tế năm 1998, trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, đơn vị đề xuất phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp và Cục Đối ngoại trao đổi, thống nhất với phía đối tác nước ngoài tiến hành ký kết lại văn kiện đó dưới hình thức điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước hoặc nhân danh Chính phủ hoặc thỏa thuận quốc tế nhân danh Bộ Công an hoặc đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03 (5).



Đại tướng Tô Lâm